

Bản án số: 109/2023/HNGĐ-ST
Ngày 15 – 5 – 2023
V/v tranh chấp ly hôn
và nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Càn

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Ngô Hồng Dương.

Bà Nguyễn Kim Kết.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Kim Thia là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi.

Ngày 15 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 109/2023/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2023 về việc “tranh chấp ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 94/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1990. Địa chỉ cư trú: Ấp T2, xã T3, huyện C, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Tạ Thanh T1, sinh năm 1981. Địa chỉ cư trú: Ấp T4, xã T5, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị T, thể hiện:*

Về hôn nhân: Chị T chung sống với anh Tạ Thanh T1 vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T3, huyện C, Thành phố Cần Thơ; khi về chung sống phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, cuộc sống gượng ép, không hạnh phúc. Từ nguyên nhân trên, chị T yêu cầu xin ly hôn với anh T1.

Về con chung: Có 01 người con tên Tạ Nhật T, sinh ngày 12/02/2018 do chị T đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi Nhật T, việc cấp dưỡng không đặt ra.

Về tài sản chung, nợ và các vấn đề khác: Không có.

* *Đối với anh Tạ Thanh T:* Mặc dù đã được tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng về yêu cầu khởi kiện của chị T nhưng anh T1 không có ý kiến gì về các nội dung khởi kiện của chị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Nguyễn Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Tạ Thanh T đã được Tòa án triệu tập đến lần thứ hai để tham gia xét xử nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự này là phù hợp và đúng quy định.

[2] Chị T và anh T1 tự nguyện chung sống vào năm 2016, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T3, huyện C, Thành phố Cần Thơ. Theo chị T, khi về chung sống sống phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, cuộc sống gượng ép, không hạnh phúc; từ nguyên nhân trên, chị T xác định mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu được ly hôn với anh T1. Anh T1 không có ý kiến gì quan hệ hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn và yêu cầu xin ly hôn của chị T.

Xét yêu cầu của chị T, thấy rằng: Hôn nhân của chị T và anh T1 có đăng ký kết hôn hợp pháp nên được pháp luật tôn trọng và bảo vệ. Tuy nhiên, chị T yêu cầu xin ly hôn nhưng qua các lần triệu tập hòa giải, xét xử anh T1 đều vắng mặt không có lý do, thể hiện việc anh T1 không có thiện chí hòa giải, hàn gắn; điều đó cho thấy, tình trạng hôn nhân của các đương sự đã trầm trọng và không thể hàn gắn trở lại nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị T ly hôn với anh T1 là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét yêu cầu xin nuôi con sau khi ly hôn của chị T: Khi ly hôn, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi Tạ Nhật T; trong khi đó, anh T1 không có ý kiến gì về việc yêu cầu của chị T về việc tiếp tục nuôi Nhật T. Do đó, để ổn định trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục nên giữ nguyên Nhật T cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu nên không đặt ra xem xét; trường hợp có phát sinh tranh chấp sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[4] Về tài sản chung, nợ và các vấn đề khác: Chị T xác định không có, anh T1 không có ý kiến gì về các nội dung này nên không đặt ra xem xét; trường hợp có phát sinh tranh chấp sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị T phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T.
 - Về hôn nhân: Cho chị T được ly hôn với anh Tạ Thanh T1.
 - Về con chung: Giao Tạ Nhật T, sinh ngày 12/02/2018 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng không đặt ra. Anh T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị T phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013760 ngày 08 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi (chị T đã nộp xong).

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- UBND xã Trung Hưng, huyện Cờ Đỏ;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Càn